TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/DS-ST
Ngày: 12-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ - TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chí Điền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Phới.

Bà Trần Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lữ Thị Thanh T, sinh năm 1969 (vắng có đơn).

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:*

1. Ông Châu Thanh B, sinh năm 1975 (vắng có đơn).

2. Bà Cao Ngọc T, sinh năm 1976 (vắng có đơn).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 5 năm 2024 (BL 02) và trong quá trình xét xử bà Lữ Thị Thanh T là nguyên đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt trình bày:

Ngày 11/11/2020 (âm lịch) bà Lữ Thị Thanh T có mở dây hụi 5.000.000 đồng, ba tháng khui 01 lần, gồm 20 phần. Trong đó, vợ chồng bà Cao Ngọc T và

ông Châu Thanh B có tham gia 02 phần, trong danh sách hụi ghi tên là "Châu Thanh B", bà T có giao danh sách hụi viên cho tất cả các hụi viên theo dõi.

Phần hụi thứ nhất, lần khui hụi thứ nhất vào ngày 11/11/2020 âm lịch, bà Th và ông B kêu lãi hụi 2.000.000 đồng và hốt được số tiền là 55.000.000 đồng (đã trừ xong tiền hoa hồng cho đầu thảo). Bà T đã giao đủ số tiền 55.000.000 đồng cho bà Th và ông B. Sau khi hốt hụi xong, bà Th và ông B đóng hụi chết cho bà T được 12 lần đến lần khui hụi thứ 13, bà Th và ông B không đóng hụi chết cho bà T nên bà T đã đóng hụi chết thay cho bà Th và ông B với số tiền là 5.000.000 đồng.

Phần hụi thứ hai, bà Th và ông B đóng hụi sống cho bà T được 03 lần. Lần khui hụi thứ 04, bà Th và ông B kêu lãi hụi 2.150.000 đồng và hốt được số tiền là 58.600.000 đồng (đã trừ xong tiền hoa hồng cho đầu thảo). Bà T đã giao đủ số tiền 58.600.000 đồng cho bà Th và ông B. Sau khi hốt hụi xong, bà Th và ông B đóng hụi chết cho bà T được 09 lần. Tại lần khui hụi thứ 13, bà Th và ông B không có đóng hụi chết cho bà T nên bà T đã đóng hụi chết thay cho bà Thẩm ông B số tiền là 5.000.000 đồng, hiện nay dây hụi này chưa mãn.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà Th và ông B phải trả lại cho bà T số tiền nợ hụi chết là 10.000.000 đồng của hai phần hụi trong dây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 11/11/2020 (âm lịch) do bà T làm đầu thảo, không yêu cầu tính lãi.

- Bà Cao Ngọc T là bị đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà Lữ Thị Thanh T. Bà thừa nhận bà còn thiếu bà T số tiền nợ hụi chết là 10.000.000 đồng mà bà T đã đóng hụi chết thay cho bà tại hai phần hụi của lần khui hụi thứ 13 trong dây hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 11/11/2020 (âm lịch) như trên do bà T làm đầu thảo. Nay bà đồng ý trả cho bà T số tiền hụi là 10.000.000 đồng trong dây hụi này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu ông B là chồng bà cùng bà trả số tiền nợ hụi trên cho bà T thì bà Thẩm cho rằng ông B chỉ biết việc bà có tham gia chơi hụi của bà T thôi còn việc bà tham gia chơi hụi của bà T ở dây hụi nào, hốt hụi, khui hụi ra sao thì ông B không biết. Đến khi bà không có khả năng đóng hụi chết được nữa thì bà mới ra gặp bà T thỏa thuận phương thức trả, và sau đó bà mới về nói lại chi tiết với ông B. Ý kiến của ông B vẫn đồng ý cùng bà đứng ra làm trả số tiền nợ hụi trên cho bà T, nhưng do ông B không đồng ý việc bà T khởi kiện danh tính chồng bà ra Tòa án và ông B không đồng ý ký tên vào các văn bản của Tòa án.

- Ông Châu Thanh B có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt và không có lời khai cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Tất cả các đương sự đều vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến nay đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông qua việc kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc bà Th và ông B có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền hụi chết còn thiếu là 10.000.000 đồng trong dây hụi mở ngày 11/11/2020 (âm lịch) loại hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, gồm 20 phần, bà Th và ông B tham gia 02 phần, danh sách hụi ghi tên "Châu Thanh B". Bà T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Về án phí: Buộc bà Th và ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nguyên đơn và các bị đơn nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và các bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Quá trình tố tụng bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Th và ông B phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền hụi chết còn thiếu là 10.000.000 đồng trong dây hụi mở ngày 11/11/2020 (âm lịch) loại hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, gồm 20 phần, bà Th và ông B tham gia 02 phần, danh sách hụi ghi tên "Châu Thanh B". Bị đơn bà Thẩm thừa nhận bà có tham gia dây hụi trên và còn nợ lại bà T số tiền nợ hụi chết mà bà T đã đóng choàng thay số tiền 10.000.000 đồng như trên. Xét thấy, bị đơn bà Thẩm thừa nhận còn thiếu tiền hụi chết như nguyên đơn khởi kiện nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng thì bà Thẩm đồng ý trả cho bà T số tiền hụi chết còn thiếu là 10.000.000 đồng trong dây hụi này.

Đối với việc bà T yêu cầu ông B phải có trách nhiệm cùng bà Th trả số tiền nợ hụi trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy mọi giao dịch góp hụi đều do bà Thẩm

thực hiện với bà T nhưng thời gian bà Th giao dịch góp hụi với bà T thì bà Th và ông B vẫn còn trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp và hiện đang cùng chung sống với nhau. Bà Th khai số tiền hốt hụi bà sử dụng vào việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, trang trải chi tiêu trong cuộc sống, trả tiền phân thuốc khi làm ruộng bị thua lỗ. Mọi chi tiêu tiền bạc trong nhà vợ chồng cùng quản lý và chi xài chung, công việc làm ăn chung, không có kinh doanh gì riêng. Trong quá trình chung sống thì mọi việc chi tiêu lớn nhỏ trong gia đình đều có sự bàn bạc thống nhất giữa vợ chồng. Do đó, theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30…."*, tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"*.

Từ những căn cứ và phân tích như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc bà Th và ông B phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền hụi chết là 10.000.000 đồng trong dây hụi mở ngày 11/11/2020 (âm lịch) loại hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, gồm 20 phần, bà Th và ông B tham gia 02 phần, danh sách hụi ghi tên "Châu Thanh B".

Bà T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Cao Thị Thẩm và ông Châu Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 27, 30 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị Thanh T.

Buộc bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B phải có nghĩa vụ trả cho bà Lữ Thị Thanh T số tiền hụi chết còn thiếu là **10.000.000 đồng** trong dây hụi mở ngày 11/11/2020 (âm lịch) loại hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, gồm 20 phần, bà Th và ông B tham gia 02 phần, danh sách hụi ghi tên "Châu Thanh B". Bà Lữ Thị Thanh T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Cao Ngọc T và ông Châu Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 500.000 đồng. Bà Lữ Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000980 ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chí Điền